TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C, TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23/2020/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 21 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 883/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019, giữa:

* **Nguyên đơn**: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh T.

* **Bị đơn**: Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn N và chị Bùi Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Bùi Thị T thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Có tài sản chung là chiếc xuồng ba lá có trọng tải 45 tấn, giá trị 45.000.000 đồng và 01 chiếc xe máy trị giá 15.000.000 đồng, nay anh chị thỏa thuận như sau:

Anh Nguyễn Văn N nhận toàn bộ tài sản và đồng ý thói chia cho chị Bùi Thị T số tiền 30.000.000 đồng (đã thực hiện xong).

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí:

+ Anh Nguyễn Văn N tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm và phải chịu 750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh đã tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002896, ngày 23/12/2019 và 562.500 đồng theo biên lai thu số 0002895, ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T nên được cấn trừ, anh N phải nộp thêm 37.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị Bùi Thị T phải chịu 750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơinhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Hậu Mỹ Trinh, H. C, T. T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU